

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 11 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiến Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tăng và bà Trần Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Đoàn - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Viết Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đoàn Đ, sinh năm 1985; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; nơi ở: thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (có mặt).

Bị đơn: Anh Đào Nguyên D, sinh năm 1981; Nơi ĐKKHKT: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; hiện đang lao động tại Đ (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nhữ Thị L (mẹ đẻ của anh Đào Nguyên D), sinh năm 1958; nơi cư trú: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai ý kiến của bị đơn tại văn bản ngày 24/10/2019 có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được xác định như sau:

Chị Nguyễn Thị Đoàn Đ và anh Đào Nguyên D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được

một thời gian ngắn thì mâu thuẫn, anh chị sinh được một cháu là Đào Đức N, sinh ngày 27/3/2012 hiện cháu đang ở với mẹ anh D là bà Nhữ Thị L. Tháng 01/2013 anh Đào Nguyên D đi xuất khẩu lao động tại Đ, chị ở nhà mâu thuẫn với bố mẹ chồng, sau đó anh D nghe điện thoại và vợ chồng đã mâu thuẫn với nhau, từ đó anh D không cho chị số điện thoại và địa chỉ. Từ tháng 9/2013 chị đã bỏ về nhà sống với bố mẹ đẻ tại thôn Lác Chiều, xã Thanh Hương, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam từ đó đến nay, anh chị không còn liên hệ với nhau nữa và chị cũng không về nhà anh D, bản thân chị cũng không biết anh D có về nước hay không, chị xin số điện thoại nhưng bà Nhữ Thị L không cho và hiện chị chỉ biết anh D sống bên Đ còn địa chỉ cụ thể thế nào chị không được biết. Chị thấy rằng anh D cố tình không cho chị địa chỉ, gây khó khăn cho chị trong vấn đề quan hệ vợ chồng cũng như việc chị xin ly hôn. Chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam yêu cầu bà Nhữ Thị L cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Đào Nguyên D để Tòa án giải quyết việc chị xin ly hôn. Nếu bà Nhữ Thị L cố tình không cung cấp địa chỉ của anh D thì đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử vắng mặt anh D và thông báo kết quả xét xử cho bà Nhữ Thị L để bà Nhữ Thị L thông báo cho anh D. Nay bản thân chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh Đào Nguyên D.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung cháu Đào Đức N, sinh ngày 27/3/2012 ở với vợ chồng trước đây từ khi anh D đi lao động ở Đ thì cháu ở với bà nội Nhữ Thị L. Anh D thường xuyên cung cấp tiền cho bà Lại để nuôi dưỡng cháu N ăn học đầy đủ, khi chị về nhà mẹ đẻ chị cũng không chăm sóc cháu, bản thân cháu N ở với bà Lại từ bé nên cháu cũng không mặn mà với chị, mặc dù chị cũng rất muốn nuôi cháu và trong đơn cháu cũng muốn ở với chị. Xong do điều kiện hiện nay việc làm của chị không ổn định, sức khỏe thường xuyên ốm đau, nên trước đây chị có đề nghị Tòa án cho chị được nuôi cháu N, nay do điều kiện kinh tế của chị không thể nuôi cháu được ngược lại anh D có điều kiện kinh tế do vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giao cháu N cho anh D nuôi dưỡng bản thân chị không phải đóng góp phí tổn nuôi con, trong thời gian anh D chưa về nước mong Tòa giao cháu cho bà Nhữ Thị L nuôi dưỡng cháu cho đến khi anh D về nước.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và các vấn đề khác: Vợ chồng anh Đào Nguyên D và chị Nguyễn Thị Đoàn Đ đều xác định không có, do vậy không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đoàn Đ tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại bản tự khai của anh Đào Nguyên D có địa chỉ từ Đ gửi cho bà Nhữ Thị L (là mẹ đẻ của anh D) trình bày về thời gian kết hôn, được UBND xã Thanh Hải đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng như chị Đ trình bày là đúng. Nay chị Đ xin ly hôn anh nhất trí; về con chung anh chị có một con chung

là cháu Đào Đức N, sinh ngày 27/3/2012 anh xin nuôi cháu, không yêu cầu chị Đ đóng góp phí tổn nuôi con chung; trong khi anh chưa về Việt Nam đề nghị Tòa án giao cháu N cho mẹ anh là bà Nhữ Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu ăn học vì anh có điều kiện gửi tiền về để nuôi dưỡng cháu. Khi nào anh về nước bà Nhữ Thị L giao lại cháu N cho anh nuôi dưỡng. Do điều kiện không về được Việt Nam giải quyết vụ án được anh đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa do Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam tổ chức và ủy quyền cho mẹ anh là bà Nhữ Thị L, sinh năm 1958 nhận các thủ tục, giấy tờ của anh khi Tòa án giao. Những vấn đề của anh sẽ nhờ mẹ anh trình bày trước tòa.

Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam tiến hành công khai tài liệu chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng đương sự từ chối hòa giải, anh D xin giải quyết vụ án vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Đoàn Đ giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh Đào Nguyên D.

Quan điểm của bà Nhữ Thị L xác định việc anh Đào Nguyên D con trai của bà gửi cho bà bản tự khai có địa chỉ từ Đ về và ủy quyền cho bà giao, nhận các văn bản, giấy tờ liên quan đến vụ án và bà đã thông báo cho anh D đầy đủ. Nay anh chị thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam cho anh chị ly hôn bà cũng nhất trí cũng như việc giao cháu N cho anh D nuôi dưỡng và nhờ bà Nhữ Thị L trom nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu trong thời gian anh D lao động tại Đ; bà Lại cam đoan sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đảm bảo mạnh khỏe, ngoan ngoãn, phát triển tốt, cho cháu được đến trường đi học. Khi nào anh D về nước, bà sẽ giao cháu N lại cho anh D trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà cam đoan sẽ không cản trở việc chị Nguyễn Thị Đoàn Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu N.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 83 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đoàn Đ và anh Đào Nguyên D. Về con chung: Giao cháu Đào Đức N, sinh ngày 27/3/2012 cho anh Đào Nguyên D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Nguyễn Thị Đoàn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Án phí chấp nhận sự tự nguyện của chị Đ nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị và anh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đoàn Đ về tranh chấp hôn nhân và gia đình do anh D ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bà Nhữ Thị L là mẹ đẻ của anh Đào Nguyên D, bà Lại cam kết đã thông báo văn bản tố tụng cho anh D, anh D đã nhận đầy đủ các thủ tục tố tụng. Bà Lại và anh D không cung cấp cụ thể địa chỉ nơi làm việc của anh D nên thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đoàn Đ và anh Đào Nguyên D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam ngày 13/3/2011 là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên va chạm nhau. Nay chị Đ và anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị Đ và anh D thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh D và chị Đ thống nhất xác định vợ chồng có một con chung là cháu Đào Đức N, sinh ngày 27/3/2012, hiện nay cháu N đang ở với bà Nhữ Thị L (bà nội). Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu N cho anh D trông nom, chăm sóc; do anh D đang lao động xuất khẩu tại Đ nên bà Nhữ Thị L giúp anh D tiếp tục nuôi cháu N, khi nào anh D về nước và Lại có trách nhiệm giao cháu N cho anh D nuôi dưỡng; anh D không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung, chị Đ nhất trí với quan điểm của anh D. Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng anh chị không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Những vấn đề ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đoàn Đ tự nguyện nộp toàn bộ án phí sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, Điều 55; điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đoàn Đ và Đào Nguyên D.

2. Về con chung: Giao cháu Đào Đức N, sinh ngày 27/3/2012 cho anh Đào Nguyên D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu N đủ 18 tuổi và lao động tự lập được. Tạm giao cháu Đào Đức N cho bà Nhữ Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Đào Đức N đến khi anh Đào Nguyên D hết hạn lao động tại Đ trở về Việt Nam thì bà Lại có trách nhiệm giao lại cháu N cho anh D nuôi dưỡng cháu theo quy định. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đoàn Đ, anh Đào Nguyên D mỗi người phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Đoàn Đ đã nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ cho cả anh D, đối trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004046 ngày 23/7/2019 nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam, chị Đ và anh D đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho anh Đào Nguyên D vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Nam;
- UBND xã Thanh Hải;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

